

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ ĐẦU TƯ MINH THÀNH VIỆT NAM

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ ĐẦU TƯ MINH THÀNH VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: MINH THANH VIET NAM TRADING SERVICE INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: MINH THANH VIET NAM TSI ., JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0108070517

3. Ngày thành lập: 23/11/2017

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 8, ngõ 175/5/167, phố Định Công, Phường Định Công, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0983074088

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Xây dựng nhà các loại	4100(Chính)
2.	Phá dỡ	4311
3.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
4.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
5.	Xây dựng công trình công ích	4220
6.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
7.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
8.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
9.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
10.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Buôn bán hoá chất (trừ hoá chất nhà nước cấm);	4669
11.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
12.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
13.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); máy móc, thiết bị y tế; Buôn bán thiết bị công nghiệp nặng, dây chuyền sản xuất trong công nghiệp và dân dụng; máy móc, thiết bị vật tư điện, điện tử, điện lạnh, tự động hoá;	4659
14.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
15.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
16.	Lập trình máy vi tính	6201

17.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
18.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
19.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
20.	Quảng cáo	7310
21.	Vận tải hành khách đường bộ khác - Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng - Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô	4932
22.	In ấn	1811
23.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
24.	Trồng cây ăn quả	0121
25.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
26.	Điều hành tua du lịch	7912
27.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
28.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
29.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
30.	Trồng rừng và chăm sóc rừng	0210
31.	Đại lý du lịch	7911
32.	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7920
33.	Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác	8129
34.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động Hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài	7830
35.	Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp	0130
36.	Hoạt động của trụ sở văn phòng	7010
37.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
38.	Khai thác gỗ	0221
39.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh.	8299

40.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Khảo sát địa hình; - Khảo sát địa chất, địa chất thủy văn công trình; - Thiết kế quy hoạch xây dựng; - Thiết kế kiến trúc công trình; - Thiết kế nội - ngoại thất công trình; thiết kế cảnh quan; - Thiết kế kết cấu công trình; - Thiết kế điện - cơ điện công trình; - Thiết kế cấp - thoát nước; - Thiết kế thông gió - cấp thoát nhiệt; - Thiết kế mạng thông tin - liên lạc trong công trình xây dựng; - Thiết kế phòng cháy - chữa cháy; - Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện; - Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình; - Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công nghệ; - Định giá xây dựng: a) Xác định, thẩm tra tổng mức đầu tư xây dựng; phân tích rủi ro và đánh giá hiệu quả đầu tư của dự án; b) Xác định chỉ tiêu suất vốn đầu tư, định mức xây dựng, giá xây dựng công trình, chỉ số giá xây dựng; c) Đo bóc khối lượng; d) Xác định, thẩm tra dự toán xây dựng; đ) Xác định giá gói thầu, giá hợp đồng trong hoạt động xây dựng; e) Kiểm soát chi phí xây dựng công trình; g) Lập, thẩm tra hồ sơ thanh toán, quyết toán vốn đầu tư xây dựng, quy đổi vốn đầu tư công trình xây dựng sau khi hoàn thành được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng	7110
41.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
42.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
43.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
44.	Bốc xếp hàng hóa	5224
45.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng - Bán buôn xi măng; Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; Bán buôn kính xây dựng; Bán buôn sơn, vécni; Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh	4663
46.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
47.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
48.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
49.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
50.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
51.	Sửa chữa thiết bị điện	3314

52.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
53.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
54.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
55.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
56.	Đại lý, môi giới, đấu giá Đại lý mua, bán, ký gửi hàng hoá;	4610
57.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
58.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện, đồ gia dụng;	4649
59.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
60.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
61.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
62.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
63.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
64.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Hoạt động tư vấn đầu tư	6619
65.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
66.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
67.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác	7730
68.	Cho thuê xe có động cơ	7710
69.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
70.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm Hoạt động dịch vụ việc làm	7810
71.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653

6. Vốn điều lệ: 1.800.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 18.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	LÊ THỊ THANH HUYỀN	Thôn Chương Lộc, Xã Chương Dương, Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	36.000	360.000.000	20,000	112102949	
			Tổng số	36.000	360.000.000	20,000		
2	NGUYỄN THU HỒNG	Số 8, ngõ 175/5/167, phố Định Công, Phường Định Công, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	108.000	1.080.000.000	60,000	C0731969	
			Tổng số	108.000	1.080.000.000	60,000		
3	NGUYỄN MỸ HẰNG	Phòng 3118-HH1B lô CC6 Hồ Linh Đàm, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	36.000	360.000.000	20,000	042181000363	
			Tổng số	36.000	360.000.000	20,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN THU HỒNG

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 09/08/1980

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Hộ chiếu Việt Nam*

Số giấy chứng thực cá nhân: C0731969

Ngày cấp: 15/07/2015

Nơi cấp: *Cục quản lý xuất nhập cảnh*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 8, ngõ 175/5/167, phố Định Công, Phường Định Công, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 8, ngõ 175/5/167, phố Định Công, Phường Định Công, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội